

Số: 1477/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 18 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục; có cơ chế, chính sách khuyến khích, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tại địa phương phối hợp với các cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non: “*Cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng danh mục dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ cụ thể trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, làm cơ sở triển khai thực hiện*”.

- Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc thực hiện một số dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của cha mẹ học sinh, phù hợp với xu thế phát triển chung. Hiện nay các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh căn cứ nhu cầu của cha mẹ và các em học sinh đã và đang thực hiện cung cấp một số dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục. Tuy nhiên do chưa có quy định cụ thể về các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục nên nhiều cơ sở giáo dục công lập còn lúng túng trong thực hiện, chưa bảo đảm tính thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là rất cần thiết, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Xây dựng Nghị quyết trên cơ sở đảm bảo các cơ sở pháp lý, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của ngành giáo dục và đào tạo.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa phục vụ cho các hoạt động giáo dục đào tạo, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, tạo cơ hội cho người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ giáo dục đào tạo.

- Quy định thống nhất, đồng bộ các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng phải có tính khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm quá trình thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch, đúng mục đích, đảm bảo nguyên tắc, tiết kiệm, hiệu quả.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng Nghị quyết đã đảm bảo đúng, đầy đủ quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cụ thể:

1. Thực hiện nhiệm vụ Hội đồng nhân dân tỉnh giao, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 722/UBND-TH ngày 31/3/2023 Về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ giữa năm 2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao, Sở GD&ĐT đã xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì đã phối hợp với các cơ sở giáo dục đề xuất danh mục, mức thu; tham khảo quy định của một số tỉnh đã ban hành quy định.

3. Sở GD&ĐT đã gửi văn bản xin ý kiến góp ý về dự thảo Nghị quyết, bao gồm:

- Công văn số 608/SGDĐT-MN&TH ngày 10/4/2023 gửi các cơ quan gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng; Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh.

- Công văn số 609/SGDĐT-MN&TH ngày 10/4/2023 gửi các đơn vị gồm: Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố; Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT; Các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện.

- Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đúng thời gian quy định.

4. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Phòng GD&ĐT, các đơn vị, Sở GD&ĐT tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Sở Tư pháp thẩm định.

5. Căn cứ báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 877/BCTĐ-STP ngày 08/6/2023, Sở GD&ĐT đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh.

6. Căn cứ Tờ trình số 55/TTr-SGDĐT ngày 09/6/2023 của Sở GD&ĐT và hồ sơ kèm theo, thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã gửi toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết và Phiếu ghi ý kiến đến các thành viên UBND tỉnh; đa số các thành viên UBND tỉnh đã biểu quyết đồng ý thông

qua dự thảo Nghị quyết (bằng Phiếu ghi ý kiến); cơ quan soạn thảo đã tiếp các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Ngoài phần căn cứ, dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều như sau:

- **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- **Điều 2.** Khoản thu, mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập.
- **Điều 3.** Nguyên tắc thực hiện.
- **Điều 4.** Công tác quản lý thu, chi.
- **Điều 5.** Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

Nghị quyết quy định cụ thể về nguyên tắc; danh mục khoản thu, mức thu; công tác quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các ý kiến góp ý về dự thảo Nghị quyết; Báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến phản biện dự thảo Nghị quyết của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Các tài liệu liên quan)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TP.TH, CVVX;
- Lưu: VT, VX_{HN}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

Số: /2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định khoản thu, mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (sau đây gọi tắt là các cơ sở giáo dục công lập) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở giáo dục công lập;

b) Trẻ em học tại các trường mầm non, học sinh học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi tắt là học sinh);

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Khoản thu, mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập

Theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Các cơ sở giáo dục công lập chỉ cung cấp các dịch vụ khi đơn vị có đủ nguồn lực, điều kiện để thực hiện; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là các khoản thu thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục công lập với cha mẹ học sinh đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, thu đủ chi, công khai, dân chủ, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh. Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thống nhất với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh (sau đây gọi tắt là cha mẹ học sinh) về các khoản thu, mức thu trước khi thực hiện.

2. Các khoản thu dịch vụ quy định tại Nghị quyết này là mức thu tối đa, ngay từ đầu năm học, tùy thuộc vào tình hình kinh tế - xã hội từng địa phương và theo nhu cầu đề xuất của cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục công lập thỏa thuận, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi với cha mẹ học sinh đảm bảo dân chủ, tự nguyện, công khai về chủ trương, thống nhất lựa chọn và quyết định các khoản thu, mức thu, hình thức tổ chức thu cụ thể theo thực tế sử dụng dịch vụ nhưng không vượt quá mức thu tối đa quy định tại Nghị quyết này. Đối với các dịch vụ trong Nghị quyết này không quy định mức thu tối đa, các cơ sở giáo dục công lập thỏa thuận với cha mẹ học sinh để thực hiện đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

4. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của nhà trường được thực hiện theo năm học và chia thành nhiều đợt để giảm gánh nặng cho cha mẹ học sinh. Căn cứ vào tình hình thực tế cơ sở giáo dục công lập và Ban đại diện cha mẹ học sinh có thể xem xét, thống nhất việc miễn, giảm các khoản thu đối với những trẻ em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Ngoài các dịch vụ được quy định tại Nghị quyết này và các khoản thu theo các quy định hiện hành, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận với cha mẹ học sinh để thu thêm các khoản thu khác.

Điều 4. Công tác quản lý thu, chi

1. Các cơ sở giáo dục công lập sử dụng tài sản công để cung cấp các dịch vụ thực hiện xây dựng Đề án sử dụng tài sản công để cho thuê, liên doanh, liên kết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, quản lý các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật. Định kỳ thống kê, tổng hợp báo cáo kết quả thu, chi, quyết toán dân chủ công khai với cơ quan quản lý có thẩm quyền và cha mẹ học sinh vào dịp sơ, tổng kết năm học. Cuối năm học chi không hết phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc chuyển sang năm học sau nếu cha mẹ học sinh đồng ý.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, kỳ họp thứ ...thông qua ngày ...tháng... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày...tháng ...năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU, MỨC THU DỊCH VỤ
PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI HỌC PHÍ
ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

TT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa đối với từng đối tượng (đồng)			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông, GDTX cấp THPT
1	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ các ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, hè)	Trẻ/buổi	18.000	Không	Không	Không
2	Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính (trước giờ học buổi sáng, sau giờ học buổi chiều và không áp dụng đối với học sinh trường nội trú, phổ thông dân tộc bán trú)	Trẻ, học sinh/giờ	4.000	4.000	Không	Không
3	Dịch vụ giáo dục ngoài giờ chính khóa					
3.1	Làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non với giáo viên trong nước	Trẻ/hoạt động	9.000	Không	Không	Không
3.2	Hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, thể dục thể thao	Trẻ, học sinh/buổi	21.000	21.000	21.000	21.000
3.3	Hoạt động tham quan, trải nghiệm	Trẻ, học sinh/buổi	Theo thỏa thuận			
4	Phô tô đề kiểm tra, khảo sát, thi thử, tài liệu ôn tập	Học sinh/năm học	Không	Theo thực tế		
5	Dịch vụ ăn, ở bán trú buổi trưa					
5.1	Tiền ăn trưa	Trẻ, học sinh/ngày	Theo thỏa thuận			
5.2	Thuê người nấu ăn trưa cho trẻ, học sinh học 2 buổi/ngày (đối với trường có tổ chức nấu ăn)	Trẻ, học sinh/tháng	100.000	100.000	100.000	100.000
5.3	Quản lý trẻ, học sinh ăn, ở bán trú buổi trưa tại trường	Trẻ, học sinh/tháng	86.000	75.000	Không	Không
6	Tiền nước uống: Nước đun sôi hoặc nước tinh khiết	Trẻ, học sinh/tháng	7.000	7.000	7.000	7.000
7	Sử dụng điều hòa trong lớp học	Trẻ, học sinh/tháng	Theo thỏa thuận			
8	Đồng phục học sinh	Trẻ, học sinh/năm	Theo thỏa thuận			

Số: 160/BC-SGD&ĐT

Cao Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng hợp và tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 722/UBND-TH ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ giữa năm 2023 của HĐND tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Trình của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về ban hành Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi hoàn thành dự thảo Nghị quyết, Sở GD&ĐT đã xin ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, UBND các huyện/thành phố, phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh (Công văn số 608/SGDĐT-MN&TH và Công văn số 609/SGDĐT-MN&TH ngày 10/4/2023 của Sở GD&ĐT).

Đến hết ngày 19/5/2023, Sở GD&ĐT đã nhận được: 11 văn bản của các sở, ngành; 5 ý kiến của UBND các huyện, thành phố; 10 phòng GD&ĐT; 17 trường THPT và 5 Trung tâm GDTX-GDNN trên địa bàn tỉnh.

Sở GD&ĐT đã tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo các ý kiến đóng góp (có phụ lục kèm theo).

Trên đây báo cáo tổng hợp nội dung góp ý và tiếp thu, giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng Sở;
- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các Trung tâm GDTX-GDNN cấp huyện;
- Lưu: VT, MN&TH(A).

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Dương



PHỤ LỤC

Tổng hợp ý kiến, góp ý và tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Báo cáo số: 160/BC-SGD&ĐT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Sở GD&ĐT Cao Bằng)

1. Các Sở, ngành

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Sở Giao thông vận tải	Nhất trí	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhất trí	
3	Sở LĐ – TB và Xã hội	Nhất trí	
4	Sở NN và PTNT	Nhất trí	
5	Sở Nội vụ	Nhất trí	
6	Sở TN và Môi trường	Nhất trí	
7	Sở TT và Truyền thông	Nhất trí	
8	Sở VH, TT và Du lịch	Nhất trí	
9	Sở Xây dựng	Nhất trí	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	Cần bổ sung tên gọi của Điều 2	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa
		Bỏ cụm từ “và không áp dụng đối với học sinh bán trú” tại mục 2. Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính.	Tiếp thu và chỉnh sửa rõ hơn như sau: Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính (trước giờ học buổi sáng, sau giờ học buổi chiều và không áp dụng đối với học sinh trường nội trú, phổ thông dân tộc bán trú)
		Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm khoản thu dọn dẹp vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh và thuê bảo vệ để đảm bảo an ninh trật tự - theo hình thức thỏa	Không tiếp thu ý kiến.

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
		thuận. Vì trên thực tế, học sinh mầm non và tiểu học đều phải đóng khoản tiền này.	Lý do: Nội dung này vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh
		Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6, Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc với giáo viên phổ thông, được bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư 15/2017/TTBGDĐT quy định thì định mức tiết dạy của giáo viên tiểu học là 23 tiết/tuần. Trong khi đó một số trường có tổ chức bán trú cho học sinh, vì vậy đề nghị bổ sung phần bồi dưỡng trông học sinh buổi trưa cho giáo viên tiểu học vì thời gian đó không nằm trong thời gian lao động của giáo viên tiểu học	Nhất trí tiếp thu và bổ sung vào dự thảo Nghị quyết danh mục: Quản lý trẻ, học sinh ăn, ở bán trú buổi trưa tại trường đối với mầm non và tiểu học
11	Sở Tài chính	Bổ sung thêm căn cứ ban hành Nghị quyết “ <i>Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;</i> ”	Nhất trí tiếp thu và bổ sung vào dự thảo
		Tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết, đề xuất bổ sung nội dung là “Các cơ sở giáo dục công lập sử dụng tài sản công để cung cấp các dịch vụ thực hiện xây dựng Đề án sử dụng tài sản công để cho thuê, liên doanh, liên kết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.”	Nhất trí tiếp thu và bổ sung vào dự thảo
		Tại Mục 1 Phần B của Thuyết minh cơ sở tính mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đề nghị chỉnh sửa mức thu tối đa và cơ sở tính toán: “ <i>Trung bình mỗi nhóm, lớp có 24 trẻ</i>	Không tiếp thu ý kiến. Vì:

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
		<p>(trẻ mầm non theo quy định có từ 12 đến 35 trẻ/nhóm, lớp)". Lý do: theo Điều 14 Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT quy định về Tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, quy định số trẻ mầm non có từ 12 đến 35 trẻ/nhóm, lớp.</p> <p>Tương ứng khi chỉnh sửa thì:</p> <p>+ Chi phí mỗi trẻ phải trả cho 01 giờ là: $88.517 : 24 = 3.688$ đồng.</p> <p>+ Chi phí mỗi trẻ phải trả cho 01 buổi (4 giờ) là: $3.688 \times 4 = 14.753$ đồng (làm tròn 15.000 đồng).</p> <p>Vì vậy, mức thu tối đa từ 18.000 đồng thành 15.000 đồng</p>	<p>- Đa số các nhóm, lớp học trong hè số lượng trẻ trung bình chỉ khoảng dưới 20 trẻ.</p> <p>- Mức 18.000 đồng là mức thu tối đa, phụ huynh và cơ sở giáo dục căn cứ vào số lượng học sinh, điều kiện kinh tế - xã hội địa phương sau khi dự toán, thỏa thuận thống nhất mức thu từ 0 – 18.000 đồng.</p>

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

TT	Huyện/thành phố	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Hà Quảng	Nhất trí	
2	Hòa An	Sửa đổi, bổ sung lại cụm từ trong ngoặc như sau: Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính (trước, sau buổi học và không áp dụng đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc bán trú)	Tiếp thu và sửa lại như sau: Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính (trước giờ học buổi sáng, sau giờ học buổi chiều và không áp dụng đối với học sinh trường nội trú, phổ thông dân tộc bán trú)
		Sửa đổi, bổ sung mức thu tiền nước uống như sau: - Đối với học sinh học 02 buổi/ngày, mức thu: 8.000đ/trẻ, học sinh/tháng	Tiếp thu, nghiên cứu và sửa đổi dự thảo.
		- Đối với học sinh học 01 buổi/ngày, mức thu: 4.000đ/trẻ, học sinh/tháng	Không tiếp thu ý kiến.

TT	Huyện/thành phố	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
			Vì mức thu trong dự thảo Nghị quyết là mức tối đa và được quy định tại Điều 3 trong dự thảo Nghị quyết .
		Bổ sung khoản thu dịch vụ thuê dọn rửa nhà vệ sinh học sinh hàng ngày đối với học sinh Mầm non và Tiểu học. Mức thu (thu trong năm học): 5.000đ/trẻ, học sinh/tháng	Không tiếp thu ý kiến. Lý do: Nội dung này vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh
3	Thành phố Cao Bằng	Ý kiến, bổ sung danh mục một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí, cụ thể:	
		- Đối với Mầm non: + Quản lý học sinh ăn, ở bán trú buổi trưa tại trường (5 ngày): mức thu 80.000đ/trẻ/tháng;	Nhất trí tiếp thu và đưa vào dự thảo Nghị quyết
		+ Thiết bị đồ dùng phục vụ bán trú đối với trẻ, học sinh tham gia lần đầu: mức thu 50.000đ/trẻ/tháng;	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
		+ Mua sắm đồ dùng, dụng cụ phục vụ bán trú, chất đốt, hỗ trợ điện, nước phục vụ bán trú: mức thu 45.000đ/trẻ/tháng.	Phần này đã dự toán trong mức tiền ăn trưa cho trẻ, học sinh
		- Đối với cấp Tiểu học: + Thuê dọn rửa nhà vệ sinh học sinh hàng ngày: Thu theo thỏa thuận; + Thuê bảo vệ: Thu theo thỏa thuận.	Không tiếp thu ý kiến. Lý do: Nội dung này vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh

TT	Huyện/thành phố	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
		- Hồ sơ học sinh: Thu theo giá dịch vụ (đối với cả 3 cấp học mầm non, tiểu học, THCS)	Không tiếp thu ý kiến Vi: Hồ sơ học sinh là hồ sơ cá nhân do phụ huynh học sinh tự mua nên không thể quy định trong Nghị quyết.
4	Trùng Khánh	Đề xuất thêm một số khoản thu	
		Tiền giấy vệ sinh cho trẻ, học sinh: 2.000 đồng/tháng	Tiếp thu và nghiên cứu bổ sung vào Nghị quyết lần sau
		Dịch vụ vệ sinh nhà vệ sinh của học sinh: Theo thỏa thuận	Không tiếp thu ý kiến. Lý do: Nội dung này vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh
		Dịch vụ liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh: 50.000-60.000 đồng/năm	Không tiếp thu ý kiến. Vi: giảm chi phí cho phụ huynh và sử dụng các ứng dụng như Zalo để trao đổi với phụ huynh
		Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính (buổi trưa và không áp dụng đối với học sinh bán trú): 6.000 đồng/giờ	Nhất trí tiếp thu và bổ sung dịch vụ: Quản lý trẻ, học sinh ăn, ở bán trú buổi trưa tại trường
		Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp: 20.000 đồng/hồ sơ	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố

TT	Phòng GD&ĐT	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Bảo Lạc	Điều chỉnh mức thu Hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, thể dục thể thao từ 8.000 – 12.000 đồng	Không tiếp thu ý kiến. Vi: Mức thu trong Nghị quyết là mức tối đa và được quy định tại Điều 3 trong dự thảo Nghị quyết
		Điều chỉnh mức thu Thuê người nấu ăn trưa cho trẻ, học sinh học 2 buổi/ngày (đối với trường có tổ chức nấu ăn) từ 60.000-80.000 đồng	
		Điều chỉnh mức thu Tiền nước uống 5.000 đồng	
2	Bảo Lâm	Điều chỉnh 1 số mức thu thấp hơn dự thảo	Không tiếp thu ý kiến. Vi: Mức thu trong Nghị quyết là mức tối đa và được quy định tại Điều 3 trong dự thảo Nghị quyết
3	Hạ Lang	Điều chỉnh 1 số mức thu thấp hơn dự thảo	Không tiếp thu ý kiến. Vi: Mức thu trong Nghị quyết là mức tối đa và được quy định tại Điều 3 trong dự thảo Nghị quyết
4	Hà Quảng	Điều chỉnh mức thu Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (<i>thứ bảy, chủ nhật, hè</i>) từ 15.000-20.000 đồng	Tiếp thu, nghiên cứu và sửa đổi vào Nghị quyết lần sau.
		Điều chỉnh mức thu Tiền nước uống từ 5.000-10.000 đồng	Tiếp thu, nghiên cứu sửa mức thu tối đa
5	Hòa An	Như ý kiến của UBND huyện Hòa An	
6	Nguyên Bình	Đề xuất thu thêm	
		Tiền giấy vệ sinh cho trẻ, học sinh: 2.000 đồng	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
		Dịch vụ vệ sinh nhà vệ sinh của học sinh: Thỏa thuận	Không tiếp thu ý kiến.

TT	Phòng GD&ĐT	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
		Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp: 20.000 đồng/hồ sơ	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
7	Quảng Hòa	Tiền giấy vệ sinh cho trẻ, học sinh: 2.000 đồng/tháng	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
		Dịch vụ vệ sinh nhà vệ sinh của học sinh: Thỏa thuận	Không tiếp thu ý kiến. Lý do: Nội dung này vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh
8	Thạch An	Bổ sung thêm dịch vụ	
		Tiền giấy vệ sinh cho trẻ, học sinh: 2.000 đồng/tháng	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
		Dịch vụ vệ sinh nhà vệ sinh của học sinh: Thỏa thuận	Không tiếp thu ý kiến. Lý do: Nội dung này vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh
		Dịch vụ liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh: 50.000-60.000 đồng/năm	Không tiếp thu ý kiến. Vi: giảm chi phí cho phụ huynh và sử dụng các ứng dụng như Zalo để trao đổi với phụ huynh

TT	Phòng GD&ĐT	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
		Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp: 20.000 đồng/hồ sơ	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
		Dịch vụ trông trẻ ngoài giờ hành chính 6.000 đồng/giờ	Tiếp thu, nghiên cứu và sửa đổi vào Nghị quyết lần sau.
9	Thành phố Cao Bằng	Điều chỉnh mức thu Tiền nước uống: 10.000 đồng	Tiếp thu, nghiên cứu sửa đổi dự thảo
		Đề xuất bổ sung thêm dịch vụ: Như ý kiến của UBND thành phố Cao Bằng	Nội dung trả lời như đối với UBND thành phố Cao Bằng
10	Trùng Khánh	Đề xuất bổ sung thêm dịch vụ: Như ý kiến của UBND huyện Trùng Khánh	Nội dung trả lời như đối với UBND huyện Trùng Khánh

4. Các trường trung học phổ thông

TT	Trường	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	THPT Bảo Lạc	95% phụ huynh nhất trí	
2	THPT Bằng Ca	100% phụ huynh nhất trí	
3	THPT Bế Văn Đàn	95% phụ huynh nhất trí	
4	THPT Cách Linh	84% phụ huynh nhất trí	
5	THPT Chuyên	97% phụ huynh nhất trí	
6	THPT Hạ Lang	100% phụ huynh nhất trí	
7	THPT Nà Bao	92% phụ huynh nhất trí	
8	THPT Nà Giàng	100% phụ huynh nhất trí	
9	THPT Pò Tấu	100% phụ huynh nhất trí	
10	THPT Phục Hòa	92% phụ huynh nhất trí	

TT	Trường	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
11	THPT Quang Trung	100% phụ huynh nhất trí	
12	THPT Tĩnh Túc	100% phụ huynh nhất trí	
13	THPT Thạch An	100% phụ huynh nhất trí	
		Đề nghị bổ sung thêm tiền giấy vệ sinh dùng hàng ngày và sổ liên lạc điện tử	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
14	THPT Thành phố CB	92% phụ huynh nhất trí	
15	THPT Trà Lĩnh	100% phụ huynh nhất trí	
16	THPT Trùng Khánh	100% phụ huynh nhất trí	
		Đề nghị bổ sung thêm dịch vụ dọn vệ sinh	Không tiếp thu ý kiến. Lý do: Nội dung này vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh
		Mua giấy, đồ dùng vệ sinh	Tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung vào Nghị quyết lần sau
17	PT DTNT tỉnh	96% phụ huynh nhất trí	

5. Các Trung tâm GDNN-GDTX

TT	Trung tâm	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	GDNN-GDTX Bảo Lạc	100% phụ huynh nhất trí	
2	GDNN-GDTX Bảo Lâm	100% phụ huynh nhất trí	
3	GDNN-GDTX Hạ Lang	100% phụ huynh nhất trí	
4	GDNN-GDTX Hà Quảng	100% phụ huynh nhất trí	
5	GDNN-GDTX Nguyên Bình	100% phụ huynh nhất trí	

Số: 161/BC-SGD&ĐT

Cao Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu các ý kiến phản biện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 2073/MTTQ-BTT ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng về việc phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến phản biện, cụ thể như sau:

I. Ý KIẾN CHUNG

TT	Nội dung ý kiến	Tiếp thu, giải trình
1	<p>2.1. Tại Điều 3, dự thảo Nghị quyết quy định “Nguyên tắc thực hiện; công tác quản lý thu chi”.</p> <p>Nội dung này chưa thể hiện rõ đâu là “nguyên tắc thực hiện”, đâu là “công tác quản lý thu chi”. Vì vậy dự thảo nên tách thành 02 điều, 01 điều quy định về “Nguyên tắc thực hiện” và 01 điều quy định về “nội dung công tác quản lý thu, chi” để đảm bảo đảm bảo tính khoa học của văn bản quy phạm pháp luật.</p>	Sở GD&ĐT tiếp thu và sửa đổi dự thảo Nghị quyết cho phù hợp
2	<p>2.2. Đối với khoản thu quy định tại mục 5.3 (Quản lý trẻ, học sinh ăn, ở bán trú buổi trưa tại trường) trong Danh mục một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí chưa được thể hiện trong Thuyết minh cơ sở xây dựng danh mục dịch vụ và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung để hoàn thiện Hồ sơ Dự thảo Nghị quyết.</p>	Sở GD&ĐT tiếp thu và bổ sung trong Thuyết minh cơ sở xây dựng danh mục dịch vụ và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí.

TT	Nội dung ý kiến	Tiếp thu, giải trình
3	2.3. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung viện dẫn các văn bản qui phạm pháp luật làm căn cứ để tính tiền công lao động và phần căn cứ pháp lý trong dự thảo Nghị quyết đối với các khoản thu 1, 2, 5.2, 5.3 trong Danh mục một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí.	Sở GD&ĐT tiếp thu và bổ sung Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012 vào căn cứ trong dự thảo Nghị quyết.

II. VẤN ĐỀ CỤ THỂ

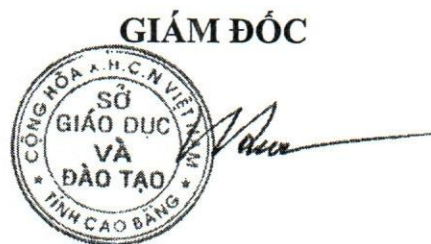
TT	Nội dung ý kiến	Tiếp thu, giải trình
1	3.1. Nghị quyết được ban hành, có hiệu lực được áp dụng trên phạm vi toàn tỉnh, đối với các trường học ở trung tâm, có điều kiện kinh tế xã hội phát triển sẽ thuận lợi trong quá trình thực hiện, song các trường ở vùng kinh tế khó khăn, nhiều học sinh gia đình thuộc hộ nghèo được hưởng các chính sách hỗ trợ từ Nhà nước (gạo, sách vở...) thì việc triển khai nghị quyết, thu ở các trường sẽ gặp nhiều khó khăn. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có dự báo, đánh giá thêm tính hiệu quả, khả thi trong quá trình thực hiện Nghị quyết khi được ban hành.	Sở GD&ĐT tiếp thu và có báo cáo đánh giá tính hiệu quả, khả thi trong quá trình thực hiện Nghị quyết khi được ban hành.
2	3.2. Đối với các hình thức dạy thêm, ôn thi học sinh giỏi, ôn thi cuối kỳ, trong danh mục một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí chưa quy định, tuy nhiên thực tế hiện nay các trường học đã, đang thực hiện, thông qua “thỏa thuận” giữa nhà trường và phụ huynh còn mang tính hình thức (<i>không đưa ra bàn các mức thu tăng hay giảm theo đề nghị của nhà trường</i>), chủ yếu từ đầu năm nhà trường đã thống kê các khoản thu, đưa ra Ban đại diện phụ huynh của trường xin ý kiến hợp thức hóa để thực hiện. Ngoài ra, hiện nay các trường học trên địa bàn thành phố đang dạy thêm buổi chiều, ôn thi cuối cấp tại trường (<i>thỏa thuận mang tính hình thức nhà trường viết sẵn đơn xin học</i>	Đối với dạy thêm, học thêm các nhà trường đang thực hiện theo Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về sửa đổi một số điều của Quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

TT	Nội dung ý kiến	Tiếp thu, giải trình
	<p>và chuyển đến phụ huynh ký), các trường có mức thu khác nhau (200.000 – 300.000/học sinh/tháng đối với học buổi chiều), hàng năm số tiền thu rất lớn.</p> <p>Vấn đề này diễn ra nhiều năm trên địa bàn, cơ quan có thẩm quyền chưa quan tâm quản lý đúng mức, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định, quản lý vấn đề này có hiệu quả, thực hiện việc thu, chi hợp lý.</p>	<p>Do đó, nội dung dạy thêm, học thêm không đưa vào danh mục của dự thảo Nghị quyết.</p>
3	<p>3.3. Khoản 4, Điều 10 Thông tư số 55/2011/BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh quy định Ban đại diện cha mẹ học sinh không được quyền góp của người học hoặc gia đình người học gồm các khoản ủng hộ không theo nguyên tắc tự nguyện; các khoản ủng hộ không phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ hơn tính thống nhất về mặt pháp lý của Dự thảo nghị quyết so với các quy định trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.</p>	<p>- Danh mục các khoản thu trong dự thảo Nghị quyết không vi phạm quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.</p> <p>- Các nội dung quy định tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đã thống nhất về mặt pháp lý với Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh</p>

Trên đây báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến phản biện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- BTT UB MTTQVN tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng Sở;
- Lưu: VT, MN&TH(A).



Vũ Văn Dương

Số: 877 /BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 08 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1065/SGDDĐT-MN&TH ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị định số 34/2016/NĐC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Về sự cần thiết ban hành nghị quyết

a) Về cơ sở pháp lý

- Điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: ***“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”***.

- Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non quy định: ***“Cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng danh mục dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ cụ thể trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, làm cơ sở triển khai thực hiện”***.

- Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định: ***“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục; có cơ chế, chính sách khuyến khích, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tại địa phương phối hợp với các cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật”***.

- Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định: ***“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt***

động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

b) Về cơ sở thực tiễn

Một số dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh là hoạt động không thể thiếu để đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh, học sinh và phù hợp với xu thế phát triển. Hiện nay các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh đã, đang thực hiện cung cấp một số dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho học sinh có nhu cầu. Tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục nên nhiều cơ sở giáo dục công lập còn lúng túng trong thực hiện, không có sự thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ các quy định của pháp luật và tình hình thực tế nêu trên, việc UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật.

2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

a) Về phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu, mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (sau đây gọi tắt là các cơ sở giáo dục công lập) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Về đối tượng áp dụng:

- Các cơ sở giáo dục công lập;
- Trẻ em học tại các trường mầm non, học sinh học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục công lập (sau đây gọi tắt là học sinh);
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và phù hợp với thực tiễn địa phương. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh sửa một số nội dung sau:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tại tên dự thảo nghị quyết đề phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 dự thảo cần quy định như sau:

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

- Tại Điều 1 đề phù hợp với nội dung, dự thảo cần xem xét quy định như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định khoản thu, mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (sau đây gọi tắt là các cơ sở giáo dục công lập) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở giáo dục công lập;

b) Trẻ em học tại các cơ sở giáo dục mầm non, học sinh học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi tắt là học sinh);

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.”

- Tại tên Điều 2, cần xem xét quy định như sau:

“Điều 2. Khoản thu, mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập”

- Tại Điều 3

+ Tại tên Điều cần bỏ cụm từ “công tác quản lý thu, chi” do nội dung này được quy định tại Điều 4 của dự thảo.

+ Tại khoản 1, 2 có một số nội dung quy định trùng lặp và không phù hợp với ngôn ngữ sử dụng trong văn bản. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định cho phù hợp.

+ Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 để phù hợp với quy định về “nguyên tắc thực hiện”, vì nguyên tắc là điều cơ bản định ra, nhất thiết phải tuân theo.

b) Đối với dự thảo danh mục

Cơ quan soạn thảo cần xem xét quy định thống nhất với tên Nghị quyết.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo nghị quyết cơ bản đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, cần rà soát sắp xếp thứ tự các Điều cho chính xác. Đồng thời rà soát, chỉnh sửa ngôn ngữ trong văn bản để phù hợp văn bản quy phạm pháp luật.

5. Nội dung khác

Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

III. KẾT LUẬN


Qua thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Mục II nêu trên để dự thảo Nghị quyết quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Giám đốc Sở Tư pháp (b/c);
- Lưu: VT, XDVB&PBGDPL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nông Văn Dực

Số: 170/BC-SGD&ĐT

Cao Bằng, ngày 09 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 877/BCTĐ-STP ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, cụ thể như sau:

TT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Nội dung tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định
1	Sửa tên dự thảo nghị quyết để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 thành: NGHỊ QUYẾT Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Nhất trí tiếp thu và sửa đổi dự thảo Nghị quyết
2	Sửa Điều 1 để phù hợp với nội dung, dự thảo	Nhất trí tiếp thu và sửa đổi dự thảo Nghị quyết
3	Sửa Điều 2 để phù hợp với nội dung, dự thảo	Nhất trí tiếp thu và sửa đổi dự thảo Nghị quyết
4	Sửa tên Điều 3 do trùng với Điều 4	Nhất trí tiếp thu và sửa đổi dự thảo Nghị quyết
5	Khoản 1, 2 Điều 3 có một số nội dung quy định trùng lặp và không phù hợp với ngôn ngữ sử dụng trong văn bản	Không tiếp thu ý kiến. Vì nội dung này đã được Hội đồng tư vấn Dân chủ - Pháp luật của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh góp ý.
6	Nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 để phù hợp với quy định về “nguyên tắc thực hiện”	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa nội dung trong dự thảo Nghị quyết cho phù hợp

TT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Nội dung tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định
7	Xem xét danh mục kèm theo thống nhất với tên Nghị quyết	Nhất trí tiếp thu và sửa đổi dự thảo Nghị quyết
8	Chỉnh sửa dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	Nhất trí tiếp thu và sửa đổi dự thảo Tờ trình

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng Sở;
- Lưu: VT, MN&TH(A).

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Dương

THUYẾT MINH CƠ SỞ TÍNH MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng)

A. CĂN CỨ ĐỂ TÍNH MỨC THU TỐI ĐA

- Căn cứ vào tình hình thực tế; mức lương tối thiểu vùng; mức lương của giáo viên giảng dạy; định mức thời gian lao động của giáo viên, người lao động theo các quy định hiện hành;
- Căn cứ ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Tính toán dựa trên chi phí để tổ chức các dịch vụ;
- Tham khảo từ đề xuất và thực tế các cơ sở giáo dục đã thực hiện; Tham khảo mức thu của một số tỉnh;
- Giá tối đa để đáp ứng được đối với địa bàn thành phố, thị trấn.
- Tính tiền công giảng dạy:
 - + Thang bảng lương theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT;
 - + Ưu đãi nghề theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ; thâm niên theo quy định tại Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021;
 - + Định mức giờ dạy theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GD&ĐT;
 - + Tính lương theo giờ, tiết theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính.
- Tính tiền công lao động: Áp dụng mức lương tối thiểu vùng III theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022 của Chính phủ: 3.640.000 đồng/tháng (do tính mức thu tính tối đa nên lấy theo mức lương tối thiểu áp dụng cho Thành phố Cao Bằng thuộc vùng III).

B. CƠ SỞ TÍNH MỨC THU TỐI ĐA

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
<p>1. Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (thứ bảy, chủ nhật, hè)</p>	Trẻ mầm non	Thỏa thuận (thực hiện trong hè)	18.000 đồng/trẻ/buổi	<p>- Trung bình mỗi nhóm, lớp có 20 trẻ (trẻ mầm non theo quy định có từ 15 đến 35 trẻ/nhóm, lớp).</p> <p>- Tổng chi phí gồm: tiền công dạy trẻ (chiếm 75%) + công tác quản lý (chiếm 15%), cơ sở vật chất (điện nước, khấu hao tài sản) (chiếm 10%) + Tiền công 01 giờ: Áp dụng mức lương tối thiểu vùng III (Theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022 của Chính phủ): 3.640.000 đồng/tháng. Do giáo viên đều qua đào tạo nên tăng thêm 7%. Mức lương tối thiểu là: 3.894.800 đồng/tháng.</p> <p>Một tháng 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm 8 giờ, tiền làm việc ngoài giờ bằng 150% ngày thường. Tiền công trả cho giáo viên trong 01 giờ là: $3.894.800 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} : 8 \text{ giờ} \times 150\% = 33.194 \text{ đồng}.$</p> <p>+ Trung bình mỗi nhóm/lớp 20 trẻ, cần 2 giáo viên, số tiền trả cho giáo viên 01 nhóm, lớp trong 01 giờ: $33.194 \times 2 = 66.388 \text{ đồng}.$</p> <p>+ Tổng chi phí (bao gồm cả tiền công, quản lý và cơ sở vật chất) mỗi nhóm, lớp trả trong 01 giờ là: $66.388 \times 100 : 75 = 88.517 \text{ đồng}.$</p> <p>+ Chi phí mỗi trẻ phải trả cho 01 giờ là: $88.517 : 20 = 4.426 \text{ đồng}.$</p> <p>+ Chi phí mỗi trẻ phải trả cho 01 buổi (4 giờ) là: $4.426 \times 4 = 17.703 \text{ đồng (làm tròn 18.000 đồng)}$</p> <p>* Đề xuất của một số đơn vị: 50.000 đồng/ngày (tương ứng 25.000 đồng/buổi)</p> <p>* Tham khảo mức thu tối đa của một số tỉnh: Bắc Kạn: 14.000 đồng/buổi; Yên Bái: 30.000 đồng/trẻ/ngày (15.000 đồng/trẻ/buổi); Lâm Đồng 32.000 đồng/trẻ/ngày (16.000 đồng/trẻ/buổi); Kon Tum: 50.000 đồng/trẻ/ngày (25.000 đồng/trẻ/buổi); Nghệ An 60.000 đồng/trẻ/ngày; Vĩnh Phúc 5.000 đồng/trẻ/giờ</p>
<p>2. Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính (trước giờ</p>	Trẻ mầm non, học sinh tiểu học	Chưa thực hiện	4.000 đồng/trẻ, học sinh/giờ	<p>Cách tính chi phí mỗi trẻ phải trả cho 01 giờ là như trong dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (thứ bảy, chủ nhật, hè) ở phần trên và làm tròn 4.000 đồng/giờ.</p> <p>* Đề xuất của một số đơn vị: 15.000 đồng/giờ</p>

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
học buổi sáng, sau giờ học buổi chiều và không áp dụng đối với học sinh trường nội trú, phổ thông dân tộc bán trú)				* Mức thu tối đa của một số tỉnh: Bắc Kạn: 4.000 đồng/trẻ, học sinh/giờ; Yên Bái: 6.000 đồng/trẻ/giờ; Lâm Đồng 4.000 đồng/trẻ/giờ; Kon Tum: 10.000 đồng/trẻ/giờ; Vĩnh Phúc 5.000 đồng/trẻ/giờ
3. Dịch vụ giáo dục ngoài giờ chính khóa				
3.1. Làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non với giáo viên trong nước	Trẻ mầm non	Theo thỏa thuận	9.000 đồng/trẻ/hoạt động	<p>- Do trường mầm non không có giáo viên ngoại ngữ, các trường khi thực hiện dịch vụ này phải thuê giáo viên giảng dạy (Giáo viên dạy Tiểu học trở lên đủ tiêu chuẩn để thực hiện).</p> <p>Tổng chi phí gồm: tiền công giảng dạy (75%) + công tác quản lý (5%), cơ sở vật chất gồm điện nước, khấu hao tài sản (10%).</p> <p>+ Áp dụng đối với giáo viên tiểu học hạng III, bậc 5 (theo Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT, giáo viên tiểu học hạng III có 9 bậc lấy bậc 5) hệ số lương: 3,66.</p> <p>+ Hệ số tính lương bậc 5: 3,66</p> <p>+ Phụ cấp ưu đãi (theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ) 50%: 1,83</p> <p>+ Phụ cấp thâm niên (theo quy định tại Nghị định 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021, thâm niên nhà giáo tối thiểu 5%, tối đa 36%, lấy ở mức 15%) 15%: 0,549</p> <p>+ Bảo hiểm 34%: 1.2444</p> <p>+ Tính lương 01 tiết theo Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính. Định mức giờ dạy theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GD&ĐT: 23 tiết/tuần; số tuần thực dạy: 35 tuần</p> $\frac{(3,66 + 1,83 + 0,549 + 1,2444) \times 1.490.000 \times 12}{23 \times 35} \times \frac{35}{52} = 108.886 \text{ đồng}$ <p>+ Tổng chi phí (bao gồm cả lương cho giáo viên, quản lý và CSVC):</p>

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
				$108.886 \text{ đồng} \times 100 : 75 = 145.181 \text{ đồng/tiết}$ - Tuy nhiên, đối với trẻ mầm non để hoạt động có hiệu quả, tổ chức mỗi nhóm không quá 16 trẻ (4 nhóm hoạt động). Chi phí mỗi trẻ phải trả: $145.181 \text{ đồng} : 16 = 9.073 \text{ đồng/hoạt động}$ (làm tròn 9.000 đồng). * <i>Hiện một số đơn vị đề xuất:</i> thực hiện 30.000 đồng/buổi (tương đương 10.000 đồng/hoạt động) * <i>Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn: 8.000 đồng/trẻ/hoạt động; Yên Bái: 25.000 đồng/buổi (8.333 đồng/tiết); Lâm Đồng: 12.000 đồng; Nghệ An 40.000 đồng/tiết (45 phút); Bắc Giang 10.000 đồng/tiết (45 phút); Kon Tum, Vĩnh Phúc: Theo thỏa thuận.
3.2. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, thể dục thể thao	Trẻ mầm non; học sinh phổ thông, học viên GDTX	Theo thỏa thuận	21.000 đồng/trẻ, học sinh/buổi	- Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục tăng cường này yêu cầu tối thiểu phải có bằng cao đẳng trở lên. - Tổng chi phí gồm: tiền công giảng dạy (75%) + công tác quản lý (15%), cơ sở vật chất gồm điện nước, khấu hao tài sản (10 %). - Áp dụng đối với giáo viên: THCS hạng III, bậc 5 (theo Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT, giáo viên THCS hạng III có 9 bậc lấy 5) hệ số lương 3,66. + Hệ số tính lương: hệ số bậc 5: 3,66 + Phụ cấp ưu đãi (theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ, GV THCS có 01 mức 30% và 35%) 35%: 1,281 + Phụ cấp thâm niên (theo quy định tại Nghị định 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021, thâm niên nhà giáo tối thiểu 5%, tối đa 36%, lấy mức 15%) 15%: 0,549 + Bảo hiểm 23,5%: 0,9891. + Tính lương 01 tiết của giáo viên THCS theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BTC. Định mức giờ dạy theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GD&ĐT: 19 tiết/tuần; số tuần thực dạy 37 tuần. Lương 01 tiết dạy là:

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
				$\frac{(3,66 + 1,281 + 0,549 + 0,9891) \times 1.490.000 \times 12}{19 \times 37} \times \frac{37}{52}$ $= 117.253 \text{ đồng}$ <p>+ Giáo viên giảng dạy thêm giờ tính 150%. Chi phí trả cho giáo viên dạy 01 tiết:</p> $117.253 \times 150\% = 175.880 \text{ đồng}$ <p>+ Tổng chi phí (bao gồm cả lương cho giáo viên, quản lý và cơ sở vật chất):</p> $175.880 \times 100 : 75 = 234.508 \text{ đồng/tiết}$ <p>+ Trung bình mỗi lớp 35 học sinh, chi phí mỗi học sinh phải trả:</p> $234.508 \text{ đồng} : 35 = 6.700 \text{ đồng/tiết (làm tròn 7.000 đồng/tiết).}$ <p>- Mỗi buổi tổ chức tối đa 03 tiết. Chi phí mỗi buổi là:</p> $3 \times 7.000 = 21.000 \text{ đồng/trẻ, học sinh/buổi}$ <p><i>* Hiện nay các trường chưa tổ chức thực hiện.</i></p> <p><i>*Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn: 21.000 đồng/trẻ, học sinh/buổi; Yên Bái: 25.000 đồng/buổi; Lâm Đồng: 12.000 đồng/tiết (36.000 đồng/buổi); Nghệ An 25.000 đồng/trẻ, học sinh/tiết; Bắc Giang 10.000 đồng/trẻ, học sinh/tiết; Kon Tum, Vĩnh Phúc: Theo thỏa thuận.</p>
3.3. Hoạt động tham quan, trải nghiệm	Trẻ mầm non; học sinh phổ thông, học viên GDTX	Theo thỏa thuận	Thực hiện theo thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh và nhà trường	<p>Hoạt động trải nghiệm rất đa dạng về nội dung, hình thức, thời gian thực hiện không cố định (ví dụ có nội dung thực hiện ở gần trường, ít thời gian, có nội dung phải đi xa, thời gian kéo dài), đồng thời khi tổ chức hoạt động chịu nhiều tác động của giá cả thị trường do đó đề xuất mức thu là không phù hợp. Khi tổ chức căn cứ vào nội dung, hình thức tổ chức, nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh về mức thu cụ thể để thực hiện.</p> <p><i>* Hiện một số trường tổ chức theo hình thức:</i> thỏa thuận với cha mẹ học sinh</p> <p><i>*Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn, Yên Bái, Kon Tum, Lâm Đồng, Vĩnh Phúc: theo thỏa thuận; Bắc Giang 300.000 đồng/học sinh/năm.</p>

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
4. Phô tô đề kiểm tra, khảo sát, thi thử, tài liệu ôn tập	Học sinh phổ thông, học viên GDTX	Theo thoả thuận	Theo thực tế	<p>Trong năm học có nhiều nội dung ôn tập, kiểm tra... cần phải phô tô đề, tài liệu. Tùy từng trường nên số lượng đề, số trang cũng khác nhau. Do vậy nếu đề xuất mức tối đa sẽ khó khăn cho các đơn vị khi thực hiện.</p> <p><i>* Hiện một số trường tổ chức theo hình thức: thu theo thực tế</i></p> <p><i>* Mức thu tối đa của một số tỉnh: Bắc Kạn: 15.000 đồng/học sinh/năm học; Yên Bái: 15.000 đồng/học sinh/năm; Kon Tum: 40.000 đồng/học sinh/năm; Lâm Đồng: 10.000 đồng/học sinh/năm; Nghệ An: 60.000 đồng/học sinh/năm; Bắc Giang: 300.000 đồng/học sinh/năm (cả đồ dùng, tài liệu); Vĩnh Phúc: Theo thoả thuận; Lạng Sơn: 55.000 đồng đến 60.000 đồng/học sinh/năm (chỉ phô tô đề kiểm tra); Bình Phước: 25.000 đồng đến 35.000 đồng/học sinh/năm (bao gồm cả vệ sinh)</i></p>
5. Dịch vụ ăn, ở bán trú buổi trưa				
5.1. Tiền ăn trưa	Trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX	Theo thoả thuận	Theo thoả thuận	<p>Căn cứ thực tế các trường hiện đang thực hiện: 16.000 đồng đến 25.000 đồng/ngày (01 bữa chính, 01 bữa phụ). Tuy nhiên tiền ăn của học sinh phụ thuộc nhiều vào giá cả thị trường; mà giá lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ở mỗi thời điểm, mỗi khu vực có sự biến động khác nhau. Do vậy nếu đề xuất mức tối đa sẽ khó khăn cho các đơn vị khi thực hiện.</p> <p><i>* Mức thu tối đa của một số tỉnh: Yên Bái: 25.000 đồng/ngày; Lâm Đồng: 30.000 đồng/ngày; Nghệ An: Không có quy định; Bắc Giang: 25.000 đồng/ngày; Bắc Kạn, Kon Tum, Vĩnh Phúc, Lạng Sơn, Bình Phước: Theo thoả thuận.</i></p>
5.2. Thuê người nấu ăn trưa cho trẻ, học sinh học 2 buổi/ngày (đối với trường có tổ chức nấu ăn)	Trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX	Theo thoả thuận	100.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng	<p>+ Áp dụng mức lương tối thiểu vùng tại vùng III: 3.640.000 đồng/tháng.</p> <p>+ Người nấu ăn tại các cơ sở yêu cầu cần qua bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm nên tăng thêm 7%: 254.800 đồng.</p> <p>+ Mức lương tối thiểu là: 3.640.000 + 254.800 = 3.894.800 đồng/tháng.</p> <p>+ Định mức thuê khoán: hiện nay các đơn vị đang thực hiện trung bình theo cấp học: Tính trung bình 40 trẻ/học sinh cần 01 người nấu ăn. Mỗi tháng trẻ/học sinh phải trả là:</p> <p>3.894.800 đồng : 40 = 97.370 đồng (làm tròn 100.000 đồng)</p>

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
				<p>* Hiện tại một số trường đang thực hiện thu: 100.000 đồng/học sinh/tháng</p> <p>* <i>Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn: 80.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Yên Bái: 70.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Kon Tum, Vĩnh Phúc: Theo thỏa thuận; Lâm Đồng: 170.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng (cả công tác quản lý ăn bán trú); Nghệ An: 200.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng (cả chi phí quản lý); Bắc Giang: 100.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Lạng Sơn: 90.000 đồng đến 100.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Bình Phước: 280.000 đồng đến 300.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng (cả chi phí quản lý bán trú).</p>
5.3. Quản lý trẻ, học sinh ăn, ở bán trú buổi trưa tại trường				
a) Mầm non	Trẻ mầm non	Chưa thực hiện	86.000 đồng/trẻ/tháng	<p>- Người tham gia quản lý ăn, ở bán trú buổi trưa là thực hiện làm thêm giờ. Trả tiền công 85% và công tác quản lý 15%.</p> <p>+ Tính tiền công cho người tham gia quản lý trẻ theo mức lương tối thiểu vùng III như tại mục 1. Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (thứ bảy, chủ nhật, hè): 33.194 đồng/giờ</p> <p>Trung bình cứ 30 trẻ có 1,5 giáo viên quản lý. Trẻ ở lại buổi trưa mỗi ngày 2 giờ (từ 11h30 tới 13h30). Số tiền chi trả cho giáo viên 01 buổi trưa là:</p> $1,5 \times 33.194 \times 2 = 99.582 \text{ đồng}$ <p>+ Tổng chi phí (bao gồm cả lương cho giáo viên, quản lý và cơ sở vật chất):</p> $99.582 \text{ đồng} \times 100 : 85 = 117.155 \text{ đồng}$ <p>Mỗi trẻ phải trả trong một ngày là:</p> $117.155 \text{ đồng} : 30 = 3.905 \text{ đồng}$ <p>+ Một tháng tính 22 buổi: Số tiền trẻ phải trả:</p> $22 \times 3.905 \text{ đồng} = 85.910 \text{ đồng/tháng (làm tròn 86.000 đồng)}$ <p>* <i>Hiện tại một số trường đề xuất:</i> 100.000 đồng đến 120.000 đồng/học sinh/tháng)</p>

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
				<p>* <i>Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn: 80.000 đồng/trẻ/tháng; Yên Bái: 4.000 đồng/buổi (tương đương 88.000/trẻ/tháng); Kon Tum: 575.000 đồng/trẻ/tháng (bao gồm toàn bộ công tác quản lý, cơ sở vật chất); Lâm Đồng: 170.000 đồng/trẻ/tháng (cả chi phí thuê khoán nấu ăn); Nghệ An: 200.000 đồng/trẻ/tháng (cả chi phí thuê khoán nấu ăn); Bắc Giang: 100.000 đồng/trẻ/tháng; Vĩnh Phúc: Theo thỏa thuận. Lạng Sơn: Từ 110.000 đồng đến 120.000 đồng/trẻ/tháng; Bình Phước: 280.000 đồng đến 300.000 đồng/trẻ/tháng (cả chi phí thuê khoán nấu ăn).</p>
b) Tiểu học	Học sinh tiểu học	Theo thỏa thuận	75.000 đồng/học sinh/tháng	<p>- Người tham gia quản lý ăn, ở bán trú buổi trưa là thực hiện làm thêm giờ. Trả tiền công 85% và công tác quản lý 15%.</p> <p>+ Tính tiền công cho người tham gia quản lý học sinh theo mức lương tối thiểu vùng III như tại mục 1. Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (thứ bảy, chủ nhật, hè): 33.194 đồng/giờ</p> <p>Trung bình cứ 35 học sinh có 01 giáo viên quản lý. Học sinh ở lại buổi trưa mỗi ngày 3 giờ, từ 10h45 tới 13h45. Số tiền chi trả cho giáo viên 01 buổi trưa là:</p> <p style="text-align: center;">$3 \times 33.194 \text{ đồng} = 99.582 \text{ đồng}$</p> <p>+ Tổng chi phí (bao gồm cả lương cho giáo viên, quản lý và cơ sở vật chất):</p> <p style="text-align: center;">$99.582 \text{ đồng} \times 100 : 85 = 117.155 \text{ đồng}$</p> <p>Mỗi học sinh phải trả trong một ngày là:</p> <p style="text-align: center;">$117.155 \text{ đồng} : 35 = 3.347 \text{ đồng}$</p> <p>+ Một tháng tính 22 buổi: Số tiền học sinh phải trả: $22 \times 3.347 \text{ đồng} = 73.634 \text{ đồng}$ (làm tròn 75.000 đồng)</p> <p>* <i>Hiện tại một số trường đề xuất:</i> 110.000 đồng đến 150.000 đồng/học sinh/tháng</p> <p>* <i>Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn: 70.000 đồng/trẻ/tháng; Yên Bái: 4.000 đồng/học sinh/buổi (tương đương 88.000 đồng/họcsinh/tháng); Kon Tum: 300.000 đồng/học sinh/tháng (bao gồm toàn bộ công tác quản lý, cơ sở vật chất); Lâm Đồng: 165.000 đồng/học sinh/tháng (cả chi phí thuê khoán nấu ăn); Nghệ An: 200.000 đồng/học</p>

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Mức tối đa đã thực hiện	Mức thu tối đa	Cơ sở tính toán, đề xuất
				sinh/tháng (cả chi phí thuê khoán nấu ăn); Bắc Giang: 140.000 đồng/học sinh/tháng; Vĩnh Phúc: Theo thỏa thuận. Lạng Sơn: Từ 110.000 đồng đến 120.000 đồng/học sinh/tháng; Bình Phước: 250.000 đồng đến 300.000 đồng/học sinh/tháng (cả chi phí thuê khoán nấu ăn).
6. Tiền nước uống: Nước đun sôi hoặc nước tinh khiết	Trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX	Theo thỏa thuận	7.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng	- Căn cứ tình hình thực tế các trường đang thực hiện 7.000 đồng đến 10.000 đồng. Lấy mức 7.000 đồng. Học sinh mầm non, tiểu học học 2 buổi/ngày, học sinh THCS, THPT học 01 buổi/ngày nên mức thu bằng nhau. * <i>Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn: 7.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Yên Bái: 10.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Kon Tum: Theo thỏa thuận; Lâm Đồng: 7.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Bắc Giang: 6.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng; Vĩnh Phúc: Theo thỏa thuận. Lạng Sơn: Nếu phát sinh thì thỏa thuận và báo cáo cấp có thẩm quyền; Bình Phước: Theo thỏa thuận.
7. Sử dụng điều hòa trong lớp học	Trẻ mầm non, học sinh, học viên GDTX	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận	Nhu cầu sử dụng điều hòa của học sinh là có. Tuy nhiên việc sử dụng điều hòa sẽ không thường xuyên, liên tục, phụ thuộc nhiều vào thời tiết, do vậy quy định mức thu tối đa chưa thật sự phù hợp, bên cạnh đó một số đơn đề nghị thực hiện theo thỏa thuận và thực tế sử dụng.
8. Đồng phục học sinh	Trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh	Giá cả phụ thuộc vào chất liệu, loại đồng phục, phụ thuộc nhiều vào thị trường. Do vậy đề xuất mức thu là không phù hợp. Do vậy khi thực hiện các trường sẽ thỏa thuận với cha mẹ học sinh về mức thu cụ thể. * <i>Mức thu tối đa của một số tỉnh:</i> Bắc Kạn, Vĩnh Phúc: Theo thỏa thuận; Bắc Giang: 100.000 đồng đến 150.000/chiếc áo; Lạng Sơn: Nếu phát sinh thì thỏa thuận và báo cáo cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH CƠ SỞ XÂY DỰNG DANH MỤC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng)

1. Các dịch vụ được chia làm 02 nhóm gồm: Dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục và dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục. Việc chia thành hai nhóm dựa trên sản phẩm của dịch vụ, cụ thể:

- Dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục: là những dịch vụ mang nặng tính chất giáo dục hơn, sản phẩm của dịch vụ góp phần giúp cho quá trình hình thành phẩm chất, kiến thức, kỹ năng, năng lực cho trẻ, học sinh.

- Dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục: Là những dịch vụ mang tính hỗ trợ cho hoạt động giáo dục nhiều hơn, sản phẩm của dịch vụ góp phần giúp cho hoạt động giáo dục tốt hơn.

2. Để xây dựng danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh, ngày 01/3/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản gửi các cơ sở giáo dục đề xuất danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập. Căn cứ đề xuất của các đơn vị, điều kiện thực tế và xu thế phát triển (có tham khảo Nghị quyết của một số tỉnh), Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự kiến danh mục một số dịch vụ và thực hiện xin ý kiến các cơ sở giáo dục. Sau khi tổng hợp ý kiến của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng các danh mục. Cụ thể như sau:

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Sự cần thiết phải ban hành dịch vụ
1. Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ <i>(thứ bảy, chủ nhật, hè)</i>	Trẻ mầm non	Hiện nay, một số trường mầm non đã thực hiện dịch vụ này trong các kỳ nghỉ hè theo hình thức thỏa thuận. Dịch vụ này đáp ứng nhu cầu của cha mẹ trẻ, đặc biệt những gia đình công chức, viên chức, người lao động không có người trông trẻ trong những ngày hè và thứ bảy và chủ nhật. Việc ban hành danh mục là cơ sở để các trường thực hiện và các gia đình có trẻ yên tâm công tác, lao động không phải gửi tại các cơ sở tư nhân, giảm bớt chi phí.
2. Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ hành chính <i>(trước giờ học buổi sáng, sau giờ học buổi chiều và không áp dụng đối với học sinh trường nội trú, phổ thông dân tộc bán trú)</i>	Trẻ mầm non, học sinh tiểu học	Hiện nay, các trường chưa thực hiện. Tuy nhiên thực tế có những gia đình do công việc nên việc đón trẻ thường chậm so giờ quy định, giáo viên vẫn phải trông trẻ nhưng không được trả thù lao (hoặc muốn gửi trẻ trước giờ học). Dịch vụ này sẽ giúp các gia đình có nhu cầu gửi trẻ sớm hoặc đón trẻ muộn so với quy định và giáo viên được trả công cho việc trông trẻ ngoài giờ.
3. Dịch vụ giáo dục ngoài giờ chính khóa		
3.1. Làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non	Trẻ mầm non	Hiện nay, một số trường đang thực hiện. Bộ GD&ĐT đã có quy định trong chương trình cho từng độ tuổi ở bậc mầm non. Nhà trường phải thực hiện trên cơ sở tự nguyện của gia đình trẻ;

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Sự cần thiết phải ban hành dịch vụ
với giáo viên trong nước		huy động đa dạng các nguồn lực đặc biệt là nguồn xã hội hóa để bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình (Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 và Công văn số 2387/BGDĐT-GDMN ngày 09/6/2021 của Bộ GD&ĐT). Để thực hiện được hoạt động này cần huy động sự đóng góp của cha mẹ học sinh. Do vậy quy định dịch vụ này là cơ sở để nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh thực hiện.
3.2. Tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, thể dục thể thao	Trẻ mầm non; học sinh phổ thông, học viên GDTX	Một số trường đã tổ chức một số hoạt động trên cơ sở thỏa thuận. Các hoạt động này đáp ứng nhu cầu của học sinh không thuộc chương trình, kế hoạch giáo dục do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hiện nay, các nhà trường có thể tổ chức được các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, nghệ thuật và thể dục thể thao ngoài giờ chính khóa đáp ứng nhu cầu được của học sinh. Để tổ chức được các hoạt động này cần huy động sự đóng góp của cha mẹ học sinh.
3.3. Hoạt động tham quan, trải nghiệm	Trẻ mầm non; học sinh phổ thông, học viên GDTX	Một số trường đã tổ chức một số hoạt động trên cơ sở thỏa thuận. Đây là hoạt động thực hiện ngoài giờ lên lớp nhằm phát triển tình cảm, đạo đức, các kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm của học sinh. Để tổ chức cần có sự đóng góp của cha mẹ học sinh.
4. Phô tô đề kiểm tra, khảo sát, thi thử, tài liệu ôn tập	Học sinh phổ thông, học viên GDTX	Hiện nay, một số trường thực hiện theo thỏa thuận hoặc thực tế sử dụng. Trong quá trình đánh giá định kỳ học sinh, các bài kiểm tra, khảo sát các nhà trường chủ yếu thực hiện phô tô đề kiểm tra (học sinh làm trực tiếp trong bản đề), do vậy cần thực hiện phô tô đề kiểm tra, một số tài liệu để học sinh học tập. Những chi phí này các nhà trường chưa được cấp nên cần thiết có sự hỗ trợ từ phía cha mẹ học sinh.
5. Dịch vụ ăn, ở bán trú buổi trưa		
5.1. Tiền ăn trưa	Trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX	Hiện nay, các trường có tổ chức ăn bán trú cho học sinh đang thực hiện. Để có cơ sở để các trường tiếp tục thực hiện đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh, cần thiết phải quy định cụ thể.
5.2. Thuê người nấu ăn trưa cho trẻ, học sinh học 2 buổi/ngày (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		
5.3. Quản lý trẻ, học sinh ăn, ở bán trú buổi trưa tại trường		
6. Tiền nước uống	Trẻ mầm non, học sinh	Hiện nay, một số trường đang thực hiện. Để có cơ sở để các trường tiếp tục thực hiện đáp ứng

Danh mục khoản thu	Đối tượng áp dụng	Sự cần thiết phải ban hành dịch vụ
Nước đun sôi hoặc nước tinh khiết	phổ thông, học viên GDTX	nhu cầu của cha mẹ học sinh, cần thiết phải quy định.
7. Sử dụng điều hòa trong lớp học	Trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX	Hiện nay, một số trường (trên địa bàn thành phố) đang thực hiện theo thoả thuận thực tế sử dụng. Để có cơ sở để các trường tiếp tục thực hiện đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh, cần thiết phải quy định.
8. Đồng phục học sinh	Trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX	Hiện nay, một số trường đang thực hiện. Để có cơ sở để các trường tiếp tục thực hiện đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh, cần thiết phải quy định.